PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1959/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sơn La đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sơn La đến năm 2020 (gọi tắt là Quy hoạch) với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sơn La đến năm 2020 phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Trung du và Miền núi phía Bắc; đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực của cả nước.

2. Khai thác, phát huy mọi nguồn lực, tiềm năng, thế mạnh về nguồn nhân lực, đất đai, nguồn nước và các nguồn tài nguyên khác bằng cơ chế, chính sách phù hợp để thực hiện tái cấu trúc đầu tư, đổi mới mô hình tăng trưởng tạo bước đột phá về phát triển kinh tế - xã hội.

3. Phát triển và xây dựng thương hiệu các sản phẩm chủ lực với chất lượng cao, có sức cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường trong và ngoài nước; đẩy mạnh

nghiên cứu xây dựng và phát triển cụm tương hỗ về nông sản, du lịch và điện năng để khai thác, sử dụng hiệu quả đất đai tại Mộc Châu, Mường La… nguồn nước hệ thống sông Đà, các hồ thủy điện.

4. Phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội để giảm nghèo nhanh, bền vững; từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, giảm dần chênh lệch mức sống giữa các tầng lớp dân cư và giữa các vùng trong tỉnh, thực hiện tốt hơn các chính sách dân tộc và các chính sách về thuế tài nguyên, phát triển vùng biên giới khó khăn.

5. Phát triển kinh tế - xã hội gắn bó chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và vệ sinh an toàn thực phẩm, củng cố tình hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy dân chủ và sức mạnh đoàn kết các dân tộc để xây dựng Sơn La trở thành tỉnh phát triển khá trong vùng Trung du và Miền núi phía Bắc, phấn đấu trở thành trung tâm của tiểu vùng Tây Bắc vào năm 2020 trên cơ sở tái cấu trúc kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng để khai thác các tiềm năng, lợi thế vùng Tây Bắc.

Thu hút đầu tư có chất lượng, có trọng điểm, xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị, gắn với phát triển toàn diện văn hóa xã hội; chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng thương hiệu các sản phẩm chủ lực để tham gia chuỗi giá trị hàng hóa; tích cực giảm nghèo đồng thời đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh, môi trường.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ đến năm 2015 là 11,5%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 là 8,5%/năm.

- Đến năm 2015: Thu nhập bình quân đầu người đạt 1.000 USD/năm; cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tương ứng là 37%, 25%, 38%; sản lượng lương thực có hạt đạt 59,5 vạn tấn; tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn đạt 65.000 tỷ đồng; thu ngân sách đạt 11.000 tỷ đồng; năng suất lao động là 41,6 triệu đồng/người/năm.

- Đến năm 2020: Thu nhập bình quân đầu người đạt 1.800 USD/năm; cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tương ứng là 32,5%, 28,5%, 39%; sản lượng lương thực có hạt đạt 57,9 vạn tấn; tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn đạt 90.000 tỷ đồng; thu ngân sách đạt khoảng 22.000 tỷ đồng; năng suất lao động là 62,9 triệu đồng/người/năm.

b) Về xã hội:

- Đến năm 2015: Tỷ lệ tăng dân số bình quân là 1,72%/năm; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 30%; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi là 18,5%; số giường bệnh/10.000 dân là 23 giường; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 2% - 3%; 95% hộ dân được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất; trở thành trung tâm giáo dục - đào tạo vùng Tây Bắc; có 17 xã đạt từ 14 - 18 chỉ tiêu nông thôn mới.

- Đến năm 2020: Tỷ lệ tăng dân số bình quân là 1,59%/năm; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 52%; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi là 10%; số giường bệnh/10.000 dân là 26 giường; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 2% - 3%; tỷ lệ hộ được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất là 98%; là trung tâm giáo dục - đào tạo vùng Tây Bắc; bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc Thái và các dân tộc khác.

c) Về hệ thống kết cấu hạ tầng:

- Phát triển đồng bộ hệ thống giao thông, đạt 0,91 km/km^2 vào 2020; đến năm 2015, 75% xã có đường ô tô tới trung tâm xã đi được 4 mùa và đạt 100% vào năm 2020; tập trung xây dựng hệ thống đô thị, đặc biệt là các đô thị trọng điểm thành phố Sơn La, thị xã Mộc Châu, thị xã Hát Lót.

- Đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cơ bản tại khu vực nông thôn, ưu tiên đặc biệt đối với các xã nghèo ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và các khu tái định canh, định cư thủy điện.

d) Về bảo vệ môi trường:

- Đến năm 2015: Nâng độ che phủ của rừng là 45,7%; tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh là 85%; tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt đô thị đạt 100%; bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Đến năm 2020: Độ che phủ của rừng là 55%; 100% cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý; tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh là 90%.

III. KHÂU ĐỘT PHÁ

1. Về cơ chế, chính sách: Nghiên cứu cụ thể điều kiện của Sơn La để đưa chính sách thuế thủy điện, phí môi trường rừng… chính sách đổi đất, trụ sở cũ lấy hạ tầng vào thực tiễn, tích cực triển khai chính sách đầu tư PPP, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp miền núi sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực.

2. Về phát triển, thu hút nhân lực: Ưu tiên đầu tư xây dựng Trung tâm đào tạo vùng Tây Bắc gồm trường Đại học Tây Bắc, trường Cao đẳng nghề và trung tâm dạy nghề…; phát triển mạnh nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua đào tạo, thu hút gắn liền với việc thực hiện tốt công tác khuyến nông.

3. Về phát triển kết cấu hạ tầng: Phát triển đô thị trọng điểm, hệ thống giao thông huyết mạch nhằm điều phối và kết nối hiệu quả với các địa phương trong

Vùng và xây dựng khu vực sản xuất, kinh doanh hàng hóa chủ lực (cụm tương hỗ, khu công nghiệp, khu du lịch).

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Phát triển ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng đạt 4,2%/năm giai đoạn đến 2015 và đạt 3,3%/năm giai đoạn đến 2020. Phát triển đa dạng, bền vững theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường tiêu dùng; đổi mới tổ chức không gian sản xuất, mô hình tăng trưởng nhằm nâng cao tính cạnh tranh của các sản phẩm chủ lực tham gia chuỗi giá trị đồng thời đảm bảo mục tiêu an ninh lương thực.

- Nông nghiệp: Phát triển vành đai rau xanh, cây trái, hoa theo mô hình tập trung tại các khu vực tiềm năng gắn với sản xuất các sản phẩm chủ yếu phục vụ nhu cầu nhân dân và xuất khẩu; đẩy mạnh phát triển các vùng cây công nghiệp đã và đang phát triển chè, cà phê, cao su, mía, bông tạo ra thế và lực mới. Tập trung xây dựng Cụm tương hỗ nông sản chất lượng cao (sữa và sản phẩm các loại, chè và sản phẩm các loại, cá chất lượng và sản phẩm, hoa, quả các loại) tại Mộc Châu, phấn đấu đưa Sơn La trở thành nơi cung cấp nguyên liệu, hàng hóa trong chuỗi giá trị hàng hóa nông sản Việt Nam.

Phát triển chăn nuôi hàng hóa giá trị kinh tế cao, gồm trâu, bò, lợn nạc, baba, cá tầm, tôm càng xanh, gà, vịt… để cung cấp cho thị trường trên cơ sở tận dụng ưu thế của một tỉnh miền núi có điều kiện diện tích chăn thả, nguồn nguyên liệu chế biến thức ăn.

- Lâm nghiệp: Quản lý bền vững tài nguyên rừng, tập trung xây dựng hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn thủy điện Hòa Bình, thủy điện Sơn La, đầu nguồn sông Mã đồng thời bảo tồn và phát triển bền vững các khu rừng đặc dụng Xuân Nha, Sốp Cộp, Cô Pia, Tà Xùa. Đẩy mạnh khoanh nuôi, tái sinh rừng tự nhiên, tái sinh có kết hợp trồng bổ sung; khuyến khích phát triển hệ thống rừng sản xuất, trọng tâm là rừng nguyên liệu, đồng thời xây dựng cơ sở chế biến lâm sản. Tập trung hoàn thiện, triển khai chính sách thu phí môi trường rừng nhằm góp phần giảm nghèo và phát triển thủy điện bền vững.

- Thủy sản: Khai thác, sử dụng và bảo vệ hiệu quả diện tích thủy sản tại sông chính, các hồ thủy điện, thủy lợi và ao của dân để phát triển hàng hóa thủy sản chất lượng. Phát triển nuôi cá nước lạnh như: Cá hồi, cá tầm chất lượng cao… tại một số khu vực có điều kiện tự nhiên thích hợp như hồ thủy điện Sơn La và một số suối nước lạnh ở Mộc Châu....

2. Phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng đạt 12,5%/năm giai đoạn đến 2015 và đạt 12,3%/năm giai đoạn đến 2020. Tập trung đầu tư có trọng điểm vào phát triển sản phẩm chủ

lực có tiềm năng, lợi thế gắn với đổi mới công nghệ và nâng cao trình độ quản lý nhằm gia tăng giá trị của chúng.

Một số ngành công nghiệp chủ lực như: Điện và thủy điện, chế biến nông sản cao cấp, chế biến thức ăn chăn nuôi, sản xuất xi măng và vật liệu xây dựng, khai thác, chế biến sâu khoáng sản, may mặc…

Phát triển công nghiệp trên cơ sở phát triển đồng bộ về nhân lực, kết cấu hạ tầng; trước hết ưu tiên phát triển khu công nghiệp Mai Sơn, các cụm công nghiệp, cụm tương hỗ nông sản (chế biến các sản phẩm nông, lâm sản chất lượng cao), dịch vụ gắn liền với hoàn chỉnh các công trình xử lý nước thải và chất thải rắn. Nâng cấp nhà máy xi măng Mai Sơn, nhà máy xi măng Chiềng Sinh với công nghệ thân thiện môi trường, sản xuất vật liệu xây dựng như tấm lợp, gạch không nung, khung nhà thép, đá xây dựng; từng bước chắc chắn tạo dựng khu gang thép Mường La.

3. Phát triển thương mại và dịch vụ

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng đạt 14,3%/năm giai đoạn đến 2015 và đạt 9,2%/năm giai đoạn đến 2020.

- Thương mại, dịch vụ: Đầu tư xây dựng Sơn La, Mộc Châu trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ vùng Tây Bắc, cung cấp các dịch vụ đào tạo, khám chữa bệnh, viễn thông, thương mại….

Phát triển đồng bộ hệ thống chợ, ưu tiên đảm bảo các nhu cầu cơ bản cho đồng bào các dân tộc vùng biên giới, vùng cao đồng thời triển khai mạnh mẽ các giải pháp chống buôn bán trái phép, đặc biệt là buôn bán chất ma túy.

Phát triển thương mại, dịch vụ quốc tế trên cơ sở nâng cấp lên cửa khẩu quốc tế Lóng Sập, Mộc Châu và cửa khẩu Chiềng Khương, Sông Mã để khai thác tiềm năng, củng cố quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt - Lào.

- Du lịch: Đổi mới chính sách đầu tư, quản lý về du lịch nhằm thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư, cùng hợp tác phấn đấu xây dựng thương hiệu sản phẩm du lịch tại Mộc Châu;

Hình thành và phát triển tuyến du lịch Hà Nội - Tây Bắc - Lào - Thái Lan với khuyến khích phát triển các sản phẩm du lịch như du lịch văn hóa, lịch sử, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch thể thao…

4. Các lĩnh vực xã hội

a) Giáo dục - đào tạo

Nâng cao chất lượng giáo dục đồng thời mở rộng quy mô trường lớp, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trình độ giáo viên theo chuẩn quốc gia và đa dạng hình thức đào tạo, tạo điều kiện cơ hội học tập cho mọi người gắn với đẩy mạnh phong trào xây dựng xã hội học tập.

Đưa Sơn La trở thành một trong những trung tâm giáo dục và đào tạo nhân lực đa ngành vùng Tây Bắc với hạt nhân là trường Đại học Tây Bắc, hình thành hệ thống một số trường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển dịch lao động của các địa phương trong Vùng. Triển khai phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2, phấn đấu đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi vào năm 2015.

b) Y tế và chăm sóc, bảo vệ sức khỏe

Phát triển hệ thống y tế từng bước hiện đại, đồng bộ; phấn đấu đưa Sơn La trở thành một trong những trung tâm y tế vùng Tây Bắc, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao và đa dạng của nhân dân trong vùng;

Tiếp tục đầu tư nâng cấp các bệnh viện, nhất là bệnh viện đa khoa khu vực Tây Bắc 500 giường, trung tâm y tế, cơ sở khám chữa bệnh từ tuyến tỉnh, huyện đến cấp xã cùng hệ thống y tế dự phòng, nâng cao trình độ, y đức đội ngũ cán bộ y tế.

Đẩy mạnh xã hội hóa công tác y tế, khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế cùng tham gia, đầu tư phát triển các dịch vụ y tế phục vụ nhân dân phát triển kinh tế - xã hội.

c) Văn hóa và Thể dục, thể thao

Xây dựng nền văn hóa lành mạnh, đậm đà bản sắc dân tộc, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc Thái, góp phần phát triển du lịch, nâng cao đời sống tinh thần đồng bào các dân tộc trong tỉnh; tập trung đầu tư hệ thống thiết chế văn hóa đồng bộ các cấp.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa thể dục thể thao, tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và đào tạo vận động viên thành tích cao. Phát động phong trào toàn dân tập thể dục và phát triển các môn thể thao giải trí dân tộc, môn thể thao hiện đại, góp phần nâng cao tầm vóc, sức khỏe nhân dân.

d) Giảm nghèo và phát triển nguồn nhân lực

- Thực hiện đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các chương trình xóa đói, giảm nghèo; xây dựng các giải pháp, mô hình giảm nghèo bền vững, tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất; có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp dạy nghề, tạo việc làm cho người nghèo.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực các cấp, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu đổi mới công tác đào tạo, phối hợp chặt chẽ các chương trình dạy nghề với doanh nghiệp trong việc dạy nghề cho lao động, nhất là lao động nông thôn và lao động sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực.

Tiếp tục triển khai công tác khuyến nông thông qua đào tạo nghề cho các hộ nông dân, xây dựng mô hình trình diễn; có chính sách hỗ trợ và đào tạo cần thiết

đối với những người muốn chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang các ngành nghề khác trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

5. Phát triển kết cấu hạ tầng

a) Giao thông

- Phát triển hạ tầng giao thông theo hướng hiện đại, tăng cường tính kết nối liên vùng, các trung tâm đô thị lớn và các khu vực quan trọng trong tỉnh đảm bảo vận chuyển hàng hóa, hành khách an toàn và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng cao, vùng biên giới. Cụ thể:

- Đường bộ: Phối hợp cùng với Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu nâng cấp, cải tạo các tuyến quốc lộ huyết mạch như quốc lộ 6, quốc lộ 37, quốc lộ 43, quốc lộ 279, quốc lộ 4G tới Sốp Cộp và một số tuyến tỉnh lộ tạo hệ thống giao thông thông suốt, kết nối hiệu quả trong tỉnh.

Phát triển hệ thống đường giao thông nông thôn và đường tuần tra biên giới đảm bảo đi tới các xã vùng cao, vùng sâu và vùng biên giới trong cả 4 mùa. Đổi mới chính sách để quản lý giao thông và phát triển dịch vụ vận tải hiệu quả;

- Đường thủy: Từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông thủy, khai thác có hiệu quả các tuyến vận tải, du lịch đường thủy trên sông Đà.

- Đường không: Đầu tư chuyển dần mục đích để sân bay Nà Sản phục vụ quốc phòng, an ninh và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

b) Cấp điện

Đầu tư xây dựng nhà máy điện và mạng lưới phân phối điện đồng thời đổi mới việc khai thác, quản lý hiệu quả hệ thống này nhằm cung cấp đủ điện cho sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh;

Chú trọng phát triển lưới điện nông thôn; nhanh chóng hoàn thành trạm 500KV (Pi Tong), trạm 220kV (Mường Bằng) và đưa vào sử dụng đáp ứng nhu cầu cấp điện.

c) Thông tin truyền thông

Xây dựng đồng bộ hạ tầng bưu chính, viễn thông, chú trọng phát triển vùng dọc Quốc lộ 6; nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ.

Hiện đại hóa, mở rộng mạng lưới đi đôi với việc ứng dụng công nghệ hiện đại, đảm bảo an ninh thông tin, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

d) Cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường

Đầu tư xây dựng hệ thống cấp, thoát nước, trước tiên tại các khu đô thị trọng điểm và các khu vực sản xuất, kinh doanh hàng hóa chủ lực.

Đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành các khu xử lý nước thải công nghiệp và chất thải rắn các loại khu đô thị đảm bảo quy chuẩn quốc gia.

đ) Thủy lợi

Đầu tư nâng cấp, kiên cố hóa hệ thống kênh mương đồng bộ, đảm bảo đến năm 2015, cơ bản cung cấp đủ nguồn nước tưới cho các vùng thuộc lưu vực sông Đà, sông Mã.

Đồng thời khai thác có hiệu quả vùng bán ngập nước hồ thủy điện; tập trung xây dựng các công trình thủy lợi vừa và nhỏ đối với vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa.

6. Bảo vệ tài nguyên và môi trường

Khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên đất, nước, rừng nhất là đa dạng sinh học, khoáng sản để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội hiệu quả và bền vững đến năm 2020.

Tập trung giải quyết các vấn đề môi trường cốt lõi như cân bằng nước, thoái hóa, lãng phí đất đai, đa dạng sinh học, chất thải rắn và không khí trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị.

7. Quốc phòng, an ninh.

- Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đả bảo trật tự, an toàn xã hội, đặc biệt khu vực biên giới; tiếp tục phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị nhằm xây dựng nền quốc phòng toàn dân kết hợp với thế trận an ninh nhân dân.

- Xây dựng và triển khai thực hiện tốt các phương án phòng thủ, quản lý chặt chẽ quân dự bị động viên đảm bảo về số lượng và chất lượng; gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội trên từng địa bàn, trong công tác quy hoạch, kế hoạch, đảm bảo vùng biên giới hòa bình và hữu nghị.

V. ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN

1. Phát triển không gian kinh tế - xã hội.

a) Vùng dọc Quốc lộ 6: Nằm chủ yếu trên các huyện Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn, thành phố Sơn La và một phần các huyện Thuận Châu, Vân Hồ.

Định hướng phát triển chính trở thành vùng động lực trên hành lang kinh tế Tây Bắc, trung tâm vùng Tây Bắc và của tỉnh Sơn La về dịch vụ và nông, công nghiệp chất lượng. Cụ thể, tập trung xây dựng 3 khu đô thị là thành phố Sơn La với các khu trọng điểm; thị xã Mộc Châu với khu du lịch và Cụm tương hỗ nông sản; thị xã Hát Lót để tạo ra động lực tăng trưởng kinh tế cho Tỉnh. Sớm hình thành trung tâm dịch vụ Tây Bắc, nhằm cung cấp các dịch về du lịch, giáo dục đào tạo (khu Đại học Tây Bắc), y tế (bệnh viên đa khoa vùng); phát triển hàng hóa nông sản chất lượng cao thông qua Cụm tương hỗ nông sản; sản xuất hàng hóa công nghiệp, tiểu thu công nghiệp; điều chỉnh địa giới hành chính huyện Mộc

Châu thành huyện Mộc Châu và Vân Hồ gắn liền xây dựng mới khu hành chính tại xã Vân Hồ, mở rộng địa giới hành chính thành phố Sơn La xuống phía Nam.

b) Vùng sông Đà: Chủ yếu các huyện Mường La, Bắc Yên, Phù Yên, Quỳnh Nhai và một phần trên các huyện Mai Sơn, Mộc Châu và Thuận Châu, Vân Hồ.

Định hướng chung khai thác, phát huy thế mạnh về nguồn nước, đất đai, khí hậu và khoáng sản… để phát triển các ngành công nghiệp thủy điện, gang thép và nông sản chất lượng cao. Xây dựng các đô thị Ít Ong, Phù Yên, Bắc Yên; cụm thủy điện, khu gang thép Mường La tạo điểm nhấn đô thị, đảm bảo điều phối phát triển vùng này và tăng trưởng kinh tế. Phát triển bền vững các sản phẩm về thủy điện, gang thép, bông, may mặc…, gắn liền với các vùng nguyên liệu; đầu tư cơ sở hạ tầng như đường, trường, trạm điện và chợ… để nâng cao mức sống người dân nhất là vùng mới định cư.

c) Vùng cao, biên giới Việt - Lào: Nằm chủ yếu ở các huyện Sông Mã, Sốp Cộp và một phần các huyện Mộc Châu, Yên Châu, Phù Yên, Bắc Yên, Mai Sơn, Mường La, Quỳnh Nhai, Thuận Châu, Vân Hồ.

Định hướng chung là phát triển kinh tế nông nghiệp, thương mại gắn liền đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội; đầu tư xây dựng các đô thị Sốp Cộp, Sông Mã, cửa khẩu quốc tế Lóng Sập, khu thương mại cửa khẩu Chiềng Khương để phát triển thương mại vùng biên; chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng biên giới (đường tuần tra biên giới, trường học...) tạo điều kiện phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Hoàn thiện khu tái định cư và xây dựng nông thôn mới

a) Hoàn thiện khu tái định cư: Giải quyết dứt điểm các khâu tồn tại để ổn định và nâng cao mức sống của người dân tại các điểm di dân, tái định cư thủy điện Sơn La, thủy điện Hòa Bình bảo đảm phát triển kinh tế, xã hội nhanh và bền vững.

b) Xây dựng nông thôn mới: Tạo ra bộ mặt nông thôn mới thông qua việc nâng cao thu nhập, dân trí của người dân, giải quyết việc làm, đào tạo đội ngũ cán bộ cơ sở và xây dựng kết cấu hạ tầng, chuyển hướng sang sản xuất hàng hóa.

VI. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo)

VII. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động các nguồn vốn đầu tư

- Nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn đến 2020 khoảng 155 nghìn tỷ đồng, trong đó giai đoạn đến 2015 khoảng 65 nghìn tỷ đồng và giai đoạn đến 2020 khoảng 90 nghìn tỷ đồng. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách hàng năm, Tỉnh cần chủ động xây dựng kế hoạch, phân kỳ đầu tư phù hợp để đảm bảo vốn cho các công trình, dự án trọng điểm; đồng thời cần có các giải pháp cụ thể để huy động

hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước đảm bảo thực hiện được các mục tiêu đã đề ra.

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với điều kiện thực tế của người dân và yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn nhằm thu hút đầu tư, tạo ra đột phá phát triển hạ tầng như đô thị, cụm tương hỗ, khu dịch vụ và khu du lịch trọng điểm.

- Mở rộng các hình thức đầu tư BOT, BT, PPP… tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các thị trường vốn; tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các thị trường vốn, phát triển các hình thức liên doanh, liên kết đầu tư, góp vốn đầu tư bằng tài sản; đẩy mạnh xã hội hóa để thu hút đầu tư nhất là trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế….

2. Giải pháp về cơ chế chính sách và cải cách hành chính

- Thu hút các doanh nghiệp bằng chính sách ưu đãi thuế tài nguyên, thuế thu nhập, thuế doanh nghiệp khai thác…, phát huy tiềm năng, lợi thế sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực, tham gia hiệu quả chuỗi giá trị toàn cầu, mạng sản xuất tạo động lực phát triển kinh tế, xã hội trong thời kỳ đầu quy hoạch.

- Cải thiện môi trường đầu tư, môi trường sản xuất kinh doanh, tiếp tục cải cách thủ tục đầu tư theo hướng gọn, minh bạch, công khai; ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư trên cơ sở lợi thế về phát triển kinh tế của địa phương và phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Có chính sách ưu đãi đối với con em dân tộc thiểu số ít người học nghề, đào tạo trình độ đại học, cao đẳng... và khuyến khích các doanh nghiệp lớn tự đào tạo và sử dụng lao động song cùng với hỗ trợ đào tạo cán bộ cấp xã, cấp huyện và cán bộ kỹ thuật.

- Khuyến khích phát triển các loại hình thương mại; đẩy nhanh xây dựng chợ đầu mối, trung tâm du lịch Mộc Châu, khu dịch vụ tổng hợp, khu cửa khẩu quốc tế, hệ thống chợ các huyện, thị… và nâng cao khả năng tiếp cận thị trường của các đơn vị kinh tế.

3. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nhân lực phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động; khuyến khích phát triển các hình thức đào tạo trực tiếp tại các doanh nghiệp, đào tạo theo nhu cầu của nhà đầu tư.

- Đẩy mạnh liên kết giữa các cơ sở đào tạo với các trung tâm đào tạo, dạy nghề tại các thành phố lớn; tập trung phát triển và có chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao về công tác tại địa phương, nhất là trong các ngành sản xuất, kinh doanh hàng hóa chủ lực.

4. Giải pháp về khoa học công nghệ và khuyến nông

- Đẩy mạnh đổi mới cơ chế, hệ thống quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác khoa học, thực hiện tốt chính sách đãi ngộ các nhà khoa học, chính sách khuyến khích xã hội hóa trong nghiên cứu khoa học; mở rộng liên kết, hợp tác với các viện, trường đại học trong việc nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đổi mới công nghệ trong sản xuất.

- Tiếp tục triển khai mạnh công tác khuyến nông thông quan đào tạo nghề cho nông dân trong tỉnh, nhất là vùng nghèo.

5. Giải pháp về hợp tác và điều phối phát triển tiểu vùng Tây Bắc

Ban Chỉ đạo Tây Bắc cùng các tỉnh Hoà Bình, Sơn La và Điện Biên, Lai Châu chỉ đạo và giám sát, đánh giá việc hợp tác phát triển tiểu vùng Tây Bắc, tập trung vào điện năng, khoáng sản, nông lâm sản chất lượng và đảm bảo quốc phòng, an ninh, quan hệ đặc biệt Việt - Lào.

VIII. TỔ CHỨC VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Sau khi Quy hoạch của Tỉnh giai đoạn đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tỉnh cần tổ chức công bố, phổ biến đến các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong Tỉnh; đồng thời, tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để thực hiện Quy hoạch.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện quy hoạch có hiệu quả. Hàng năm có đánh giá việc thực hiện Quy hoạch, trên cơ sở đó tiến hành rà soát, kiến nghị theo thẩm quyền việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong từng thời kỳ.

3. Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện quy hoạch.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sơn La giai đoạn đến năm 2020 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành (quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch ngành khác), các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La căn cứ nội dung Quy hoạch được phê duyệt chỉ đạo việc lập, duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu; quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư; quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện, thị xã, thành phố theo quy định.

2. Lập các kế hoạch 5 năm, hàng năm; các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trọng điểm; các dự án cụ thể để triển khai thực hiện quy hoạch.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cấp nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của Tỉnh và luật pháp của Nhà nước trong từng thời kỳ nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

Điều 4. Các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

- Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La trong quá trình thực hiện Quy hoạch; trường hợp cần thiết phối hợp với Tỉnh nghiên cứu xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; khuyến khích, thu hút đầu tư theo mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nêu trong Quy hoạch.

- Nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan dự kiến trong Quy hoạch này sau khi được phê duyệt; hỗ trợ Tỉnh trong việc bố trí và huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 384/2006/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sơn La giai đoạn 2006 - 2020.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ THỜI KỲ ĐẾN NĂM 2020, TỈNH SƠN LA
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1959/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

I	**CÁC DỰ ÁN DO BỘ NGÀNH ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**
1	Dự án tiếp tục xây dựng hồ chứa bản Mòng, thành phố Sơn La
2	Dự án nâng cấp Quốc lộ: 6, 32, 37, 43, 279, 4G, đường tránh thành phố Sơn La,…; nâng cấp sân bay Nà Sản
3	Các dự án Giao thông nông thôn 3, vốn vay WB/DFID
II	**CÁC DỰ ÁN DO TỈNH LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**
1	Dự án phát triển các sản phẩm nông sản chủ lực thương hiệu Sơn La: Chè, sữa, cà phê, hoa, rau sạch, …
2	Dự án quản lý, bảo vệ và xây dựng hệ thống rừng phòng hộ, rừng đặc dụng
3	Các công trình thủy lợi, kiên cố hóa kênh mương; hệ thống kè chống lũ, chống sạt lở
4	Cải tạo hệ thống điện các huyện, xã
5	Quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng, các khu đô thị dân cư
6	Dự án phát triển hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và Cụm tương hỗ Mộc Châu
7	Dự án xây dựng hạ tầng giao thông đường bộ: Bến, bãi, trạm dừng nghỉ,…
8	Dự án đại lộ từ Tỉnh ủy đến Sân vận động tỉnh
9	Tiếp tục đầu tư, nâng cấp các tuyến đường tỉnh lộ, đường huyện, đường tuần tra biên giới, đường đô thị
10	Dự án cầu Vạn Yên; cảng Vạn Yên, cảng Tạ Bú
11	Xây dựng công trình văn hóa tiêu biểu của tỉnh Sơn La: Tượng đài Bác Hồ với nhân dân các dân tộc Tây Bắc, quảng trường, công viên, làng văn hóa Tây Bắc,…
12	Dự án thiết chế văn hóa cơ sở; khôi phục các khu di tích, văn hóa lịch sử; hệ thống thư viện,…
13	Dự án bảo tồn và phát triển các điệu múa, làn điệu dân ca các dân tộc trong tỉnh
14	Phát triển hệ thống phát thanh truyền hình
15	Dự án khu văn hóa, thể thao các huyện, thành phố

16	Dự án xây dựng khu di tích cách mạng lịch sử Lào - Việt bản Lao Khô, Yên Châu
17	Xây dựng, nâng cấp: Bệnh viện đa khoa tỉnh; các bệnh viện chuyên khoa của tỉnh; trung tâm y tế các huyện
18	Xây dựng Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh, các huyện
19	Thành lập mới các trường Trung cấp ngành, nghề
20	Dự án đào tạo nguồn nhân lực theo ngành, lĩnh vực chất lượng cao.
21	Dự án tiếp tục nâng cấp trường Đại học Tây Bắc; Dự án xây dựng Trường Cao đẳng Y tế, Đại học Sơn La
22	Các dự án công nghệ thông tin
23	Phát triển hệ thống phát thanh truyền hình
24	Dự án xây dựng khu cơ quan Đảng, Chính quyền, khối đoàn thể tỉnh Sơn La
25	Dự án xây dựng khu trung tâm hành chính thành phố Sơn La tại Chiềng Sinh, trung tâm hành chính huyện mới Vân Hồ
26	Hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống xử lý rác thải, nước thải trên địa bàn tỉnh
27	Dự án quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh: Trường Quân sự tỉnh, khu tập trung bí mật, thao trường, đồn biên phòng,…
28	Xây dựng hạ tầng các cửa khẩu Chiềng Khương, Lóng Sập
29	Dự án xây dựng trạm quan trắc cảnh báo phóng xạ môi trường Sơn La
C	**CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ ĐẦU TƯ**
1	Dự án Hạ tầng khu du lịch Mộc Châu; hạ tầng dịch vụ, du lịch lòng hồ thủy điện Sơn La, thủy điện Hòa Bình
2	Dự án Cụm tương hỗ du lịch Mộc Châu, cụm tương hỗ nông sản cao cấp Mộc Châu
3	Dự án khu dịch vụ tổng hợp thành phố Sơn La, đô thị Mộc Châu, đô thị Hát Lót
4	Dự án xây dựng nhà máy thủy điện tích năng Đông Phù Yên; Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện nhỏ và vừa
5	Dự án đào tạo, xây dựng nhân lực ngành cho lĩnh vực, sản phẩm chủ lực
6	Xây dựng khu văn hóa ven suối Nậm La
7	Dự án trồng rừng kinh tế

8	Dự án chăn nuôi, phát triển đại gia súc cung cấp thịt
9	Dự án phát triển vùng chuyên canh bông Bắc Yên - Phù Yên
10	Dự án phát triển vùng chuyên canh cao su
11	Phát triển nuôi trồng thủy sản trên các lòng hồ thủy điện và ao hồ, sông, suối,…
12	Dự án xây dựng khu thương mại 2 cửa khẩu Lóng Sập, Chiềng Khương
13	Dự án Trung tâm công nghệ cao sinh học Mộc Châu
14	Dự án Bệnh viện đa khoa vùng Tây Bắc; các trung tâm khám chữa bệnh chất lượng cao
15	Dự án khai thác, chế biên khoảng sản: Đồng, gang, thép,…; khai thác vật liệu xây dựng
16	Hệ thống chợ nông thôn; hệ thống cung cấp xăng dầu, khí hóa lỏng,…; hạ tầng thông tin, viễn thông

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư cho từng thời kỳ./.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng